

**DANH SÁCH KẾT QUẢ XẾP LOẠI THI ĐUA THÁNG 12/2022**  
**PHÒNG QUẢN TRỊ - DỊCH VỤ**

| Stt      | Họ và tên              | Mã E-office | Mức xếp loại<br>tối đa trong<br>năm 2022 | Kết quả xếp loại thi đua |                                                  |
|----------|------------------------|-------------|------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------|
|          |                        |             |                                          | Xếp loại                 | Ghi chú                                          |
| <b>a</b> | <b>Viên chức</b>       |             |                                          | <b>13</b>                | <b>4A1 + 4A2 + 4A3 + 1A4</b>                     |
| 1        | Lê Quang Liêm          | 01008028    | A1                                       | A1                       |                                                  |
| 2        | Nguyễn Văn Thành       | 01008002    | A1                                       | A1                       |                                                  |
| 3        | Nguyễn Trọng Phú       | 01008004    | A2                                       | A1                       | Thống nhất đề nghị của đơn vị                    |
| 4        | Phan Đức Long          | 01009007    | A2                                       | A3                       |                                                  |
| 5        | Giáp Văn Thịnh         | 01008008    | A3                                       | A3                       |                                                  |
| 6        | Vũ Ngọc Quang          | 01008006    | A3                                       | A2                       | Thống nhất đề nghị của đơn vị                    |
| 7        | Nguyễn Cao Thắng       | 01002021    | A2                                       | A1                       | Thống nhất đề nghị của đơn vị                    |
| 8        | Ninh Đỗ Hiệp           | 01017009    | A3                                       | A2                       | Thống nhất đề nghị của đơn vị                    |
| 9        | Nguyễn Tiến Việt Dũng  | 01015026    | A3                                       | A3                       |                                                  |
| 10       | Bùi Đăng Hoàng Tuấn    | 01015028    | A3                                       | A2                       | Thống nhất đề nghị của đơn vị                    |
| 11       | Lê Hồng Anh Tuấn       | 01008005    | A3                                       | A3                       | Không thống nhất đề nghị xếp loại A2 của đơn vị. |
| 12       | Bùi Thị Dương          | 01009014    | A4                                       | A4                       |                                                  |
| 13       | Võ Tấn Kiệt            | 01008034    | A3                                       | A2                       | Thống nhất đề nghị của đơn vị                    |
| <b>b</b> | <b>Hợp đồng trường</b> |             |                                          | <b>18</b>                | <b>1A1 + 0A2 + 4A3 + 13A4</b>                    |
| 14       | Trần Thị Thu           | 01008021    | A2                                       | A3                       |                                                  |
| 15       | Dương Thị Thủy         | 01008009    | A2                                       | A1                       | Thống nhất đề nghị của đơn vị                    |
| 16       | Đỗ Thị Bích Thủy       | 01008031    | A4                                       | A4                       |                                                  |
| 17       | Nguyễn Thị Thu Trang   | 01008018    | A4                                       | A4                       |                                                  |
| 18       | Trần Kim Tươi          | 01008039    | A4                                       | A4                       |                                                  |
| 19       | Trương Thị Bắc         | 01008040    | A4                                       | A4                       |                                                  |
| 20       | Trương Thị Định        | 01008041    | A4                                       | A4                       |                                                  |
| 21       | Giáp Đức Nhận          | 01012027    | A3                                       | A3                       |                                                  |
| 22       | Tạ Quốc Tấn            | 01008012    | A4                                       | A4                       | Không thống nhất đề nghị xếp loại A3 của đơn vị. |

| Stt | Họ và tên           | Mã E-office | Mức xếp loại<br>tối đa trong<br>năm 2022 | Kết quả xếp loại thi đua |                               |
|-----|---------------------|-------------|------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|
|     |                     |             |                                          | Xếp loại                 | Ghi chú                       |
| 23  | Nguyễn Xuân Lợi     | 01017008    | A4                                       | A4                       |                               |
| 24  | Huỳnh Bá Triết      | 01008033    | A4                                       | A3                       | Thống nhất đề nghị của đơn vị |
| 25  | Võ Thị Tuyết        | 01013033    | A4                                       | A4                       |                               |
| 26  | Trịnh Tuấn Vũ       | 01009015    | A4                                       | A4                       |                               |
| 27  | Trần Văn Lý         | 01002003    | A4                                       | A4                       |                               |
| 28  | Trương Phú Cường    | 01008043    | A4                                       | A3                       | Thống nhất đề nghị của đơn vị |
| 29  | Võ Tấn Đức          | 01008042    | A4                                       | A4                       |                               |
| 30  | Ngô Ngọc Cửa        | 01008044    | A4                                       | A4                       |                               |
| 31  | Phạm Thị Hoàng Diễm | 01008045    | A4                                       | A4                       |                               |

|                         |           |
|-------------------------|-----------|
| <b>Tổng số nhân sự:</b> | <b>31</b> |
| <b>Xếp loại A1:</b>     | <b>5</b>  |
| <b>Xếp loại A2:</b>     | <b>4</b>  |
| <b>Xếp loại A3:</b>     | <b>8</b>  |
| <b>Xếp loại A4:</b>     | <b>14</b> |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2022

THƯ KÝ TT HĐTĐ-KT

TRƯỞNG PHÒNG TC-HC-TH



Lưu Hoàng Hải Yến



Lâm Viết Dũng